TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23/2023/QĐCNHGT-DS	*Đông Triều, ngày 28 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34, 35 và 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của Ngân hàng T, ông Đoàn Văn N và bà Phạm Thị M.

Sau khi N cứu:

- Đơn khởi kiện vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng đề ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Ngân hàng T.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Ngân hàng T, địa chỉ tòa nhà L; người đại diện theo pháp luật ông Hồ Nam T; người được ủy quyền ông Phạm Song T, giám đốc chi nhánh Quảng Ninh (quyết định ủy quyền số 14/2023/QĐ-CTHĐQT ngày 27/4/2023); người được ủy quyền lại bà Nguyễn Thu Y, chuyên viên khách hàng, Ngân hàng T CN Quảng Ninh- phòng giao dịch Đông Triều (giấy ủy quyền số 317/2023/UQ-Lngày 05/5/2023).

Ông Đoàn Văn N, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị M sinh năm 1966, cùng nơi thường trú khu B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 10 tháng 11 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 10 tháng 11 năm 2023, cụ thể như sau:

A. Đối với hợp đồng tín dụng số HDTD49D2021084 ngày 15/10/2021 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 49D2021084/01 ngày 18/10/2021.

A1. Về số tiền nợ: tính đến ngày 10/11/2023 ông Đoàn Văn N và bà Phạm Thị M còn nợ Ngân hàng T số tiền là 424.845.567đ (bốn trăm hai mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm sáu bảy đồng), trong đó nợ gốc là 397.540.681đ (ba trăm chín bảy triệu năm trăm bốn mươi nghìn sáu trăm tám mươi mốt đồng), nợ lãi trong hạn là 25.072.211đ (hai mươi năm triệu không

trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm mười một đồng), lãi chậm trả gốc là 1.694.259đ (một triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn hai trăm năm chín đồng), lãi chậm trả lãi là 538.416đ (năm trăm ba tám nghìn bốn trăm mười sáu đồng).

A2. Về phương án trả nợ:

- Ngày 30/11/2023 ông Đoàn Văn N và bà Phạm Thị M có nghĩa vụ trả Ngân hàng T số tiền 51.000.000đ (năm mươi mốt triệu);

- Ngày 30/12/2023 ông Đoàn Văn N và bà Phạm Thị M có nghĩa vụ trả Ngân hàng T số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu);

- Ngày 30/01/2024 ông Đoàn Văn N và bà Phạm Thị M có nghĩa vụ trả Ngân hàng T số tiền 173.845.567đ (một trăm bảy mươi ba triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi bảy đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ ngày 11/11/2023 của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HDTD49D2021084 ngày 15/10/2021 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 49D2021084/01 ngày 18/10/2021 đến khi tất toán khoản vay.

A3. Trường hợp ông Đoàn Văn N và bà Phạm Thị M vi phạm bất cứ kỳ trả nợ nào nêu trên thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng 199,1m^2 đất ở và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y673964 do UBND huyện Đông Triều cấp ngày 31/12/2003 cho hộ ông Đoàn Văn N, ngày 15/10/2021 thay đổi từ hộ ông Đoàn Văn N thành ông Đoàn Văn N và bà Phạm Thị M theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC202149D084 ngày 15/10/2021, để thu hồi nợ.

A4. Trường hợp tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán toàn bộ số nợ còn lại, ông Đoàn Văn N và bà Phạm Thị M phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ cho đến khi trả hết số nợ cho Ngân hàng T.

B. Đối với hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD49D2021250 ngày 21/9/2021.

B1 Về số tiền nợ: tính đến ngày 10/11/2023 ông Đoàn Văn N và bà Phạm Thị M còn nợ Ngân hàng T số tiền là 49.783.255đ (bốn mươi chín triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn hai trăm năm mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 45.180.000đ (bốn mươi lăm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 3.944.930đ (ba triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi đồng), lãi chậm trả gốc là 521.220đ (năm trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm hai mươi đồng), lãi chậm trả lãi là 137.105đ (một trăm ba mươi bảy nghìn một trăm linh năm đồng).

B2. Về phương án trả nợ: ngày 30/11/2023 ông N và bà M có nghĩa vụ trả Ngân hàng T toàn bộ số tiền là 49.783.255đ (bốn mươi chín triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn hai trăm năm mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 45.180.000đ (bốn mươi năm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 3.944.930đ (ba triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi đồng), lãi chậm trả gốc là 521.220đ (năm trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm hai mươi đồng), lãi chậm trả lãi là 137.105đ (một trăm ba mươi bảy nghìn một trăm linh năm đồng) và khoản lãi phát sinh kể từ ngày 11/11/2023 của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kiêm

khế ước nhận nợ số HDTD49D2021250 ngày 21/9/2021 đến khi tất toán khoản vay.

B3. Trường hợp ông Đoàn Văn N và bà Phạm Thị M vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nói trên thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thị xã Đông Triều;
- CCTHADS thị xã Đông Triều;
- Các bên;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Cường